

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU**

Bản án số: 50/2022/HS-ST
Ngày: 30-8-2022

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh

Bà Trần Thị Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hằng -Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 57/2022/TLST - HS ngày 05 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2022/QĐXXST - HS ngày 17 tháng 8 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Đồng Thanh T (Tên gọi khác: Không); Sinh năm 1993 tại tỉnh Lai Châu; Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố 32, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đồng Văn T, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1968; Vợ, con: Chưa có; Tiền sự: Không; Tiền án: Có 01 tiền án, ngày 17/3/2020 bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu phạt 30.000.000 đồng về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, ngày 27/4/2021 bị cáo chấp hành xong hình phạt, hiện chưa được xóa án tích. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/01/2022, tạm giam từ ngày 29/01/2022, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lai Châu (Có mặt).

2. Lê Trung K (Tên gọi khác: Không); Sinh năm 1982 tại tỉnh Lai Châu; Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố 24, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Huy T, sinh năm 1955 và bà Lê Thị V, sinh năm 1953; Vợ: Nguyễn Thị V, sinh năm 1984; Con: Có 01 con sinh năm 2006; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/01/2022, tạm giam từ ngày 29/01/2022, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lai Châu (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1981 - Trú tại: Tổ dân phố 03, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt).

2. Bà Bùi Thị B, sinh năm 1984 - Trú tại: Tổ dân phố 17, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt).

3. Chị Lý Thị L, sinh năm 1990 - Trú tại: Bản T, xã Th, huyện T, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt).

4. Ông Lê Văn N, sinh năm 1987 - Trú tại: Khu 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt).

5. Ông Nguyễn Hải Q, sinh năm 1972 - Trú tại: Khu 10, thị trấn Th, huyện Th, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt).

6. Anh Nguyễn Trung Đ, sinh năm 1997 - Trú tại: Tổ 5, phường Q, thành phố L, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt).

7. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1968 - Trú tại: Tổ dân phố 32, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu (Có mặt).

- *Người làm chứng:* Anh Hàng A S, sinh năm 1994 - Trú tại: Bản Cư Nhà La, xã Sùng Phài, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Đầu năm 2020, các bị cáo Đồng Thanh T, Lê Trung K bàn bạc và thống nhất cùng nhau cho vay với lãi suất cao nhằm thu lợi bất chính, trong đó: K có trách nhiệm giới thiệu người vay, đòi tiền gốc, tiền lãi đối với những khoản vay chậm trả; T huy động tiền rồi trực tiếp cho các cá nhân vay lãi nặng, theo dõi quá trình vay, thu tiền lãi và chia nhau tiền lãi thu được bằng việc ghi chép vào sổ cá nhân. Kết quả điều tra xác định các bị cáo đã 08 lần cho 06 người vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 08/02/2021, ông Nguyễn Văn M gặp Lê Trung K và Đồng Thanh T hỏi vay số tiền 400.000.000 đồng, được cả hai đồng ý cho vay với lãi suất thỏa thuận là 3.000 đồng/1.000.000đồng/ngày, cứ 15 ngày ông M phải trả 18.000.000 đồng tiền lãi và phải đưa cho T, K một hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất để tín chấp. Từ khi vay tiền đến ngày 08/7/2021, ông M đã 08 lần trả tiền lãi bằng hình thức trả tiền mặt và chuyển khoản vào tài khoản của T với tổng số tiền 124.000.000 đồng, trong đó: Ngày 03, 07/4/2021 mỗi ngày trả 8.000.000 đồng; ngày 21/4/2021, ngày 06/5/2021, ngày 21/5/2021, ngày 02/6/2021, ngày 21/6/2021 và ngày 08/7/2021 mỗi ngày trả 18.000.000 đồng. Số tiền lãi còn thiếu theo thỏa thuận tính đến ngày 08/7/2021 là 57.200.000 đồng các bị cáo tiếp tục đòi nhưng do làm ăn khó khăn nên ông M chưa có tiền để trả. Từ ngày 09/7/2021 trở về sau K, T miễn và không lấy tiền lãi phát sinh đối với khoản vay này. Đến khoảng đầu tháng 01/2022, ông

M thanh toán số tiền gốc đã vay cho các bị cáo bằng hình thức trả tiền mặt và vẫn chưa thanh toán phần tiền lãi còn thiếu tính đến ngày 08/7/2021 cho các bị cáo.

Như vậy, Lê Trung K, Đồng Thanh T đã cho ông Nguyễn Văn M vay 400.000.000 đồng trong thời gian 151 ngày (từ ngày 08/02/2021 đến ngày 08/7/2021) với lãi suất 109,50%/năm, gấp 5,48 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, nhằm mục đích thu 181.200.000 đồng tiền lãi. Theo quy định của pháp luật thì lãi suất K, T được hưởng khi cho vay không quá 20%/năm tương đương với số tiền 33.095.890 đồng, nên số tiền mà Lê Trung K, Đồng Thanh T thu lợi bất chính khi cho ông M vay lãi nặng là: 181.200.000 đồng - 33.095.890 đồng = 148.104.110 đồng (trong đó số tiền lãi thực tế các bị cáo đã nhận được là 124.000.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính thực tế các bị cáo đã nhận được là 90.904.110 đồng và số tiền lãi tương đương 20%/năm các bị cáo đã nhận được 33.095.890 đồng), cụ thể: Bị cáo T được hưởng tổng số tiền là 58.500.000 đồng, trong đó tiền thu lợi bất chính là 42.886.214 đồng, tiền lãi tương đương 20% là 15.613.786 đồng; Bị cáo K được hưởng tổng số tiền là 58.500.000 đồng, trong đó tiền thu lợi bất chính là 42.886.214 đồng, tiền lãi tương đương 20% là 15.613.786 đồng; Bà Nguyễn Thị L được bị cáo Đồng Thanh T đưa cho để chi tiêu sinh hoạt trong gia đình tổng số tiền là 7.000.000 đồng, trong đó tiền thu lợi bất chính là 5.131.684 đồng, tiền lãi tương đương 20% là 1.868.316 đồng.

Lần thứ hai: Ngày 19/02/2021, bà Bùi Thị B liên hệ với Lê Trung K và Đồng Thanh T vay số tiền 100.000.000 đồng, được cả hai đồng ý cho vay với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000đồng/ngày, sau khi thỏa thuận và viết giấy vay tiền, T lấy tiền mặt đưa cho bà B. Từ khi vay tiền, B đã 07 lần chuyển khoản trả tiền lãi vào tài khoản của T với tổng số tiền 45.000.000 đồng, gồm: Ngày 27/4/2021 chuyển 9.000.000 đồng, ngày 28/5/2021 chuyển 9.000.000 đồng, ngày 06/7/2021 chuyển 9.000.000 đồng, ngày 30/7/2021 chuyển 5.000.000 đồng, ngày 04/8/2021 chuyển 4.000.000 đồng, ngày 31/8/2021 chuyển 5.000.000 đồng, ngày 06/9/2021 chuyển 4.000.000 đồng. Ngày 04/10/2021, B chuyển vào tài khoản T trả tiền gốc vay 100.000.000 đồng nên hiện tại bà B không còn nợ tiền gốc vay của các bị cáo. Đối với số tiền lãi còn thiếu các bị cáo nhiều lần đòi nên ngày 04/11/2021, B tiếp tục chuyển vào tài khoản T trả thêm 7.000.000 đồng tiền lãi của khoản vay này, số tiền lãi còn thiếu là 16.400.000 đồng B vẫn chưa trả mặc dù các bị cáo nhiều lần yêu cầu B phải trả hết.

Như vậy, Lê Trung K và Đồng Thanh T cho Bùi Thị B vay 100.000.000 đồng trong thời gian 228 ngày (từ ngày 19/02/2021 đến ngày 04/10/2021) với lãi suất 109,50%/năm, gấp 5,48 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự nhằm mục đích thu 68.400.000 đồng tiền lãi. Theo quy định của pháp luật thì lãi suất K, T được hưởng khi cho vay không quá 20%/năm tương đương với số tiền 12.493.150 đồng, nên số tiền mà các bị cáo thu lợi bất chính khi cho B vay lãi nặng là: 68.400.000 đồng - 12.493.150 đồng = 55.906.850 đồng (trong đó số tiền lãi thực tế các bị cáo đã nhận được là 52.000.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính thực tế các bị

cáo đã nhận được là 39.506.850 đồng và số tiền lãi tương đương 20%/năm các bị cáo đã nhận được là 12.493.150 đồng). Cụ thể, Bị cáo T được hưởng tổng số tiền là 23.300.000 đồng, trong đó tiền thu lợi bất chính là 17.702.107 đồng, tiền lãi tương đương 20% là 5.597.893 đồng; Bị cáo K được hưởng tổng số tiền là 23.200.000 đồng, trong đó tiền thu lợi bất chính là 17.626.133 đồng, tiền lãi tương đương 20% là 5.573.867 đồng; Bà Nguyễn Thị L được bị cáo Đồng Thanh T đưa cho để chi tiêu sinh hoạt trong gia đình tổng số tiền là 5.500.000 đồng, trong đó tiền thu lợi bất chính là 4.178.610 đồng, tiền lãi tương đương 20% là 1.321.390 đồng.

Lần thứ ba: Ngày 18/3/2021, chị Lý Thị L đến gặp Lê Trung K và Đồng Thanh T đặt vấn đề vay 30.000.000 đồng, các bị cáo đồng ý cho vay với lãi suất thỏa thuận 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày và để lại 01 sổ hộ khẩu của gia đình để tín chấp. Sau khi thỏa thuận và viết giấy vay nợ, được T chuyển tiền cho vay vào tài khoản của chị L số tiền 30.000.000 đồng. Đến ngày 15/4/2021, chị L đến gặp K và T trả số tiền 33.000.000 đồng, trong đó tiền gốc 30.000.000 đồng và tiền lãi 3.000.000 đồng. Hiện tại chị L không còn nợ tiền của các bị cáo.

Như vậy, Lê Trung K và Đồng Thanh T đã cho chị Lý Thị L vay 30.000.000 đồng trong thời gian 29 ngày (từ ngày 18/3/2021 đến ngày 15/4/2021) với lãi suất 125,86%/năm, gấp 6,29 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự và thu được 3.000.000 đồng tiền lãi. Theo quy định của pháp luật thì lãi suất K, T được hưởng khi cho vay không quá 20%/năm tương đương với số tiền là 476.712 đồng, nên số tiền các bị cáo thu lợi bất chính khi cho chị L vay lãi nặng là: 3.000.000 đồng - 476.712 đồng = 2.523.288 đồng. Cụ thể, Bị cáo T được hưởng tổng số tiền là 1.500.000 đồng, trong đó tiền thu lợi bất chính là 1.261.644 đồng, tiền lãi tương đương 20% là 238.356 đồng; Bị cáo K được hưởng tổng số tiền là 1.500.000 đồng, trong đó tiền thu lợi bất chính là 1.261.644 đồng, tiền lãi tương đương 20% là 238.356 đồng.

Lần thứ tư: Ngày 27/4/2021, ông Lê Văn N gặp Lê Trung K đặt vấn đề vay 20.000.000 đồng, được K đồng ý cho vay với lãi suất thỏa thuận là 1.800.000 đồng/tháng (tương đương 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày) và không phải thế chấp gì. Sau khi thỏa thuận K lấy tiền từ T rồi đưa tiền mặt cho N vay. Từ khi vay tiền đến khi các bị cáo bị bắt, N đã 08 lần trả tiền lãi, mỗi lần là 1.800.000 đồng bằng cách chuyển tiền vào tài khoản của T với tổng số tiền là 14.400.000 đồng, gồm các ngày: Ngày 28/5/2021, ngày 01/7/2021, ngày 30/7/2021, ngày 30/8/2021, ngày 28/9/2021, ngày 28/10/2021, ngày 29/11/2021, ngày 04/01/2022. Đến ngày 20/01/2022 các bị cáo bị bắt nên N chưa trả tiền gốc và tiền lãi còn lại cho các bị cáo.

Như vậy, Lê Trung K và Đồng Thanh T cho Lê Văn N vay 20.000.000 đồng trong thời gian 269 ngày (từ ngày 27/4/2021 đến ngày 20/01/2022) với lãi suất 109,50%/năm, gấp 5,48 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự nhằm mục đích thu được 16.140.000 đồng tiền lãi. Theo quy định của pháp luật thì lãi suất K, T được hưởng khi cho vay không quá 20%/năm tương đương với số tiền

2.947.945 đồng, nên số tiền mà các bị cáo thu lợi bất chính khi cho N vay lãi nặng là: 16.140.000 đồng - 2.947.945 đồng = 13.192.055 đồng (trong đó số tiền lãi thực tế các bị cáo đã nhận được từ 27/4/2021 đến ngày 04/01/2022 là 14.400.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính thực tế các bị cáo nhận được là 11.627.396 đồng và số tiền lãi tương đương 20%/năm các bị cáo đã nhận được là 2.772.604 đồng). Cụ thể, Bị cáo T được hưởng tổng số tiền là 7.200.000 đồng, trong đó tiền thu lợi bất chính là 5.813.698 đồng, tiền lãi tương đương 20% là 1.386.302 đồng; Bị cáo K được hưởng tổng số tiền là 7.200.000 đồng, trong đó tiền thu lợi bất chính là 5.813.698 đồng, tiền lãi tương đương 20% là 1.386.302 đồng;

Lần thứ năm: Ngày 09/5/2021, Bùi Thị B tiếp tục liên hệ với Lê Trung K, Đồng Thanh T đặt vấn đề vay số tiền 100.000.000 đồng, các bị cáo đồng ý cho vay với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, B không phải viết giấy vay nợ hay thế chấp tài sản gì. Từ khi vay tiền đến ngày 19/6/2021, B đến gặp T trả tiền gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi T tính 40 ngày tương đương số tiền 12.000.000 đồng.

Như vậy, Lê Trung K và Đồng Thanh T cho Bùi Thị B vay 100.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày (từ ngày 09/5/2021 đến ngày 17/6/2021) với lãi suất 109,50%/năm, gấp 5,48 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự thu được 12.000.000 đồng tiền lãi. Theo quy định của pháp luật thì lãi suất K, T được hưởng khi cho vay không quá 20%/năm tương đương với số tiền là 2.191.780 đồng, nên số tiền mà các bị cáo thu lợi bất chính khi cho B vay lãi nặng là: 12.000.000 đồng - 2.191.780 đồng = 9.808.220 đồng. Cụ thể, Bị cáo T được hưởng tổng số tiền là 5.500.000 đồng, trong đó tiền thu lợi bất chính là 4.495.434 đồng, tiền lãi tương đương 20% là 1.004.566 đồng; Bị cáo K được hưởng tổng số tiền là 5.500.000 đồng, trong đó tiền thu lợi bất chính là 4.495.434 đồng, tiền lãi tương đương 20% là 1.004.566 đồng; Bà Nguyễn Thị L được bị cáo Đồng Thanh T đưa cho để chi tiêu sinh hoạt trong gia đình tổng số tiền là 1.000.000 đồng, trong đó tiền thu lợi bất chính là 817.352 đồng, tiền lãi tương đương 20% là 182.648 đồng.

Lần thứ sáu và lần thứ bảy: Ngày 03/6/2021, ông Nguyễn Hải Q liên lạc với Lê Trung K, Đồng Thanh T đặt vấn đề vay số tiền 30.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày dưới hình thức vay tín chấp và Q không phải viết giấy tờ gì. Sau khi thỏa thuận và thống nhất, T chuyển số tiền 30.000.000 đồng vào tài khoản của Q. Từ khi vay tiền, Q đã 05 lần trả tiền lãi, mỗi lần là 2.700.000 đồng bằng cách chuyển tiền vào tài khoản của T với tổng số tiền 13.500.000 đồng, gồm các ngày: Ngày 03/7/2021, ngày 05/8/2021, ngày 12/9/2021, ngày 07/10/2021, ngày 11/11/2021. Đến ngày 24/12/2021, Q gặp T, K chốt tiền lãi chưa thanh toán là 5.000.000 đồng, đồng thời vay thêm số tiền 100.000.000 đồng, được các bị cáo đồng ý cho vay với lãi suất thỏa thuận là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày và viết giấy vay nợ mới với tổng số tiền 130.000.000 đồng bằng hình thức làm hợp đồng mua bán xe ô tô để T giữ. Sau khi thỏa thuận và thống nhất xong, T chuyển vào tài khoản Q số tiền 95.000.000 đồng và trừ luôn tiền lãi của khoản vay cũ tính đến ngày

24/12/2021 là 5.000.000 đồng. Đến ngày 20/01/2022 các bị cáo bị bắt nên chưa kịp thu tiền gốc và tiền lãi.

Như vậy, Lê Trung K và Đồng Thanh T đã 02 lần cho Nguyễn Hải Q vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, trong đó:

Lần vay 30.000.000 đồng: Các bị cáo Lê Trung K và Đồng Thanh T cho Q vay 30.000.000 đồng trong thời gian 205 ngày (từ ngày 03/6/2021 đến ngày 24/12/2021) với lãi suất 109,80%/năm, gấp 5,49 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự và thu được 18.500.000 đồng tiền lãi. Theo quy định của pháp luật thì lãi suất K, T được hưởng khi cho vay không quá 20%/năm tương đương với số tiền là 3.369.863 đồng, nên số tiền mà các bị cáo thu lợi bất chính khi cho Q vay lãi nặng là: 18.500.000 đồng - 3.369.863 đồng = 15.130.137 đồng. Cụ thể: Bị cáo T được hưởng tổng số tiền là 10.000.000 đồng, trong đó tiền thu lợi bất chính là 8.178.452 đồng, tiền lãi tương đương 20% là 1.821.548 đồng; Bị cáo K được hưởng tổng số tiền là 8.500.000 đồng, trong đó tiền thu lợi bất chính là 6.951.685 đồng, tiền lãi tương đương 20% là 1.548.315 đồng.

Lần vay 100.000.000 đồng: Các bị cáo Lê Trung K và Đồng Thanh T cho Q vay 100.000.000 đồng, cộng với tiền gốc vay 30.000.000 đồng lần trước, tổng cộng là 130.000.000 đồng trong thời gian 28 ngày (từ ngày 24/12/2021 đến ngày 20/01/2022) với lãi suất 109,50%/năm, gấp 5,48 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự nhằm mục đích thu 10.920.000 đồng tiền lãi. Theo quy định của pháp luật thì lãi suất K, T được hưởng khi cho vay không quá 20%/năm tương đương với số tiền là 1.994.521 đồng, nên số tiền mà các bị cáo thu lợi bất chính khi cho Q vay lãi nặng là: 10.920.000 đồng - 1.994.521 đồng = 8.925.479 đồng nhưng chưa kịp thu tiền lãi, tiền gốc thì bị phát hiện.

Lần thứ tám: Ngày 30/10/2021, anh Nguyễn Trung Đ cùng với Hàng A S đến gặp Lê Trung K và Đồng Thanh T đặt vấn đề vay tiền. Sau khi thỏa thuận và thống nhất, T và K đồng ý cho anh Đ thế chấp xe ô tô hiệu Toyota Camry biển kiểm soát 29A - 725.91 của anh Đ để vay số tiền 260.000.000 đồng với lãi suất 20.000.000 đồng (nếu vay trong 05 ngày), và 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (nếu quá 05 ngày và sẽ tính từ ngày vay), các bị cáo hợp thức hóa việc cho vay bằng hợp đồng mua bán xe. Sau khi thỏa thuận và thống nhất, T đưa cho Đ 190.000.000 đồng tiền mặt và chuyển số tiền 70.000.000 đồng còn lại vào tài khoản của Đ. Từ khi vay tiền đến ngày 04/01/2022, Đ chuyển vào tài khoản của T số tiền 70.000.000 đồng trả tiền lãi, đến ngày 19/01/2022, Đ chuyển khoản vào tài khoản T trả số tiền gốc 260.000.000 đồng và hẹn khi nào xuống lấy xe thì sẽ trả nốt số tiền lãi còn thiếu, nhưng đến ngày 20/01/2022 các bị cáo bị bắt nên anh Đ chưa kịp trả số tiền lãi còn lại.

Như vậy, Lê Trung K và Đồng Thanh T đã cho Nguyễn Trung Đ vay 260.000.000 đồng trong thời gian 83 ngày (từ ngày 30/10/2021 đến ngày 19/01/2022) với lãi suất 182,50%/năm, gấp 9,13 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự nhằm mục đích thu được 106.600.000 đồng tiền lãi. Theo quy định của pháp luật thì lãi suất K, T được hưởng khi cho vay không quá 20%/năm

tương đương với số tiền là 11.682.192 đồng, nên số tiền mà các bị cáo thu lợi bất chính khi cho Đ vay lãi nặng là: 106.600.000 đồng - 11.682.192 đồng = 94.917.808 đồng (trong đó số tiền lãi thực tế các bị cáo đã nhận được từ 30/10/2021 đến ngày 04/01/2022 là 70.000.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính thực tế các bị cáo đã nhận được là 60.454.796 đồng và số tiền lãi tương đương 20%/năm các bị cáo đã nhận được là 9.545.204 đồng). Cụ thể: Bị cáo T được hưởng tổng số tiền là 46.400.000 đồng, trong đó tiền thu lợi bất chính là 40.072.893 đồng, tiền lãi tương đương 20% là 6.327.107 đồng; Bị cáo K được hưởng tổng số tiền là 20.000.000 đồng, trong đó tiền thu lợi bất chính là 17.272.799 đồng, tiền lãi tương đương 20% là 2.727.201 đồng; Bà Nguyễn Thị L được bị cáo Đồng Thanh T đưa cho để chi tiêu trong gia đình tổng số tiền là 3.600.000 đồng, trong đó tiền thu lợi bất chính là 3.109.104 đồng, tiền lãi tương đương 20% là 490.896 đồng.

Toàn bộ số tiền gốc, tiền lãi thu được khi cho vay lãi nặng, Đồng Thanh T, Lê Trung K đều sử dụng cho những người sau vay và chi tiêu cá nhân hết.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Đồng Thanh T, Lê Trung K đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Về các vấn đề khác của vụ án:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận: Đối với các giấy tờ, sổ sách mà Cơ quan điều tra thu giữ là những tài liệu liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo. Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus màu đen và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 ProMax là của bị cáo Đồng Thanh T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Note20 Ultra là của bị cáo Lê Trung K. Các bị cáo khai dùng các điện thoại trên để trao đổi liên lạc khi thực hiện hành vi phạm tội. Đối với 01 xe ô tô nhãn hiệu MERCEDES ML350 màu đen, biển kiểm soát 30E - 726.29 là của bị cáo Lê Trung K, K khai nhận xe này không tham gia giao thông, bị cáo để xe trong nhà mục đích cho người vay tin là bị cáo có điều kiện cho vay để bị cáo thực hiện hành vi cho vay lãi nặng. Đối với 01 xe ô tô nhãn hiệu CAYENNNE GTS màu trắng, biển kiểm soát 30E - 181.81 là của bị cáo Lê Trung K không liên quan đến hành vi phạm tội.

Ngoài ra, quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã phong tỏa tài khoản số 7807780756*** của Lê Trung K, mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Lai Châu với số tiền 291.200.000 đồng; Phong tỏa tài khoản số 7807205024*** của Lê Trung K, mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Lai Châu với số tiền 75.802.269 đồng; Phong tỏa tài khoản số 7807666456*** của Đồng Thanh T, mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Lai Châu với số tiền 290.030.798 đồng.

Trong quá trình điều tra, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn M, bà Bùi Thị B, chị Lý Thị L, ông Lê Văn N, ông Nguyễn Hải Q và

anh Nguyễn Trung Đ trình bày: Thời gian, số tiền vay, số tiền lãi và số tiền gốc đã trả phù hợp với lời khai của các bị cáo Đồng Thanh T, Lê Trung K.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L trình bày: Tổng số tiền bị cáo Đồng Thanh T đưa cho bà phù hợp với lời khai của bị cáo T và bà không biết số tiền T đưa cho là tiền do T phạm tội mà có. Trong quá trình điều tra, gia đình bà đã nộp tổng số 235.800.000 đồng, trong đó có 17.100.000 đồng là tiền T đưa cho bà để chi tiêu sinh hoạt, còn lại là 218.700.000 đồng nộp cho bị cáo T. Do vậy, bà đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết số tiền trên theo quy định của pháp luật.

Ngoài các lần cho vay lãi nặng nêu trên, kết quả điều tra xác định các bị cáo còn cho nhiều người khác vay tiền, gồm: Phạm Thị H, Kim Văn P, Phan Văn H, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn D, Nguyễn Duy K, Nguyễn Thị H, Khuất Văn T, Nguyễn Thị P, Hoàng Thị B, Hà Văn M, Vũ Thanh T, Hà Thị H, Lương Thị N, Nguyễn Thị T, Nguyễn Tiến H, Lê Huy T, Đỗ Tiến T. Đối với những lần cho vay này, kết quả điều tra xác định có trường hợp các bị cáo cho vay không tính lãi suất, hoặc tính lãi suất tương đương với lãi suất ngân hàng hoặc cao nhất là 2.000đồng/1.000.000 đồng/ngày (tương đương 73%/năm) hoặc không xác định được thời gian vay, thời gian trả, tiền lãi đã trả nên không đủ cơ sở để xử lý đối với các bị cáo về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đối với những lần cho vay này.

Đối với những người có tên T, Tr, Th, Ha L, TQ... có thông tin thể hiện việc vay, trả lãi của các bị cáo, kết quả điều tra không xác định được nhân thân, lý lịch của những người này nên không đủ căn cứ để xác minh, làm rõ và xử lý.

Đối với bà Nguyễn Thị L là mẹ của bị cáo Đồng Thanh T là người cho bị cáo T vay tiền để thực hiện hành vi phạm tội và một số lần được T đưa tiền thu được từ những người vay. Kết quả điều tra xác định bà L không biết T sử dụng tiền vay vào mục đích cho vay lãi nặng và không tham gia vào hành vi cho vay lãi nặng. Về số tiền 17.100.000 đồng được T đưa cho để chi tiêu sinh hoạt trong gia đình, bà L không biết số tiền trên là do phạm tội mà có nên không đủ cơ sở để xử lý bà Nguyễn Thị L với vai trò đồng phạm.

Tại bản cáo trạng số 48/CT-VKSLC-P1 ngày 04/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu đã truy tố các bị cáo Đồng Thanh T, Lê Trung K về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Đồng Thanh T, Lê Trung K phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Áp dụng khoản 2 Điều 201, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Đồng Thanh T từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/01/2022.

Áp dụng khoản 2 Điều 201, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Trung K từ 07 tháng đến 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/01/2022.

Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự: Phạt bổ sung đối với mỗi bị cáo từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật hình sự:

Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus màu đen, IMEI: 355351087096614, không có thẻ sim; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 pro max màu ghi IMEI: 353652733723846, IMEI 2: 353652734107601, bên trong lắp thẻ sim Viettel; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Note20 Ultra màu vàng, IMEI: 352682505224658, IMEI: 359646205224659, bên trong lắp thẻ sim Viettel; 01 xe ô tô nhãn hiệu MERCEDES ML350 màu đen, số khung: WDC1631571A453756, số máy 11297031555336, xe cũ đã qua sử dụng, kèm theo chìa khóa xe.

Tịch thu tiêu hủy: Biển kiểm soát 30E-726.29 và biển kiểm soát 30E-181.81.

Trả lại cho bị cáo Lê Trung K: 01 xe ô tô hiệu nhãn hiệu CAYENNE GTS màu trắng, số máy: *M55/0163906377*, số khung: WP1AA29P39LA059 27, xe cũ đã qua sử dụng kèm theo chìa khóa xe.

Bị cáo Đồng Thanh T phải trả lại tổng số tiền là 120.410.442 đồng cho những người vay, được khấu trừ trong tổng số tiền 218.700.000 đồng đã nộp, xác nhận bị cáo T đã nộp đủ, cụ thể: Trả cho Nguyễn Văn M 42.886.214 đồng; Trả cho Bùi Thị B 22.197.541 đồng; Trả cho Lý Thị L 1.261.644 đồng; Trả cho Lê Văn N 5.813.698; Trả cho Nguyễn Hải Q 8.178.452 đồng; Trả cho Nguyễn Trung Đ 40.072.893 đồng.

Bị cáo Lê Trung K phải trả lại tổng số tiền là 96.307.607 đồng cho những người vay, được khấu trừ trong tổng số tiền 137.600.000 đồng đã nộp, xác nhận bị cáo K đã nộp đủ, cụ thể: Trả cho Nguyễn Văn M 42.886.214 đồng; Trả cho Bùi Thị B 22.121.567 đồng; Trả cho Lý Thị L 1.261.644 đồng; Trả cho Lê Văn N 5.813.698 đồng; Trả cho Nguyễn Hải Q 6.951.685 đồng; Trả cho Nguyễn Trung Đ 17.272.799 đồng.

Bà Nguyễn Thị L phải trả lại tổng số tiền là 13.236.750 đồng cho những người vay, được khấu trừ trong tổng số tiền 17.100.000 đồng đã nộp, xác nhận bà L đã nộp đủ, cụ thể: Trả cho Nguyễn Văn M 5.131.684 đồng; Trả cho Bùi Thị B 4.995.962 đồng; Trả cho Nguyễn Trung Đ 3.109.104 đồng.

Truy thu sung quỹ Nhà nước của bị cáo Đồng Thanh T tổng số tiền là 921.989.558 đồng, được khấu trừ 98.289.558 đồng trong tổng số tiền 218.700.000 đồng đã nộp. Còn lại phải tiếp tục thi hành là 823.700.000 đồng.

Truy thu sung quỹ Nhà nước của bị cáo Lê Trung K tổng số tiền là 28.092.393 đồng, được khấu trừ trong tổng số tiền 137.600.000 đồng đã nộp, xác nhận bị cáo K đã nộp đủ. Còn thừa 13.200.000 đồng cần giữ lại để đảm bảo thi hành án.

Truy thu sung quỹ Nhà nước của bà Nguyễn Thị L tổng số tiền là 3.863.250 đồng, được khấu trừ trong tổng số tiền 17.100.000 đồng trong tổng số tiền đã nộp, xác nhận bà L đã nộp đủ.

Truy thu sung quỹ Nhà nước của Lê Văn N 20.000.000 đồng.

Truy thu sung quỹ Nhà nước của Nguyễn Hải Q 130.000.000 đồng.

Tiếp tục phong tỏa tài khoản của Lê Trung K số 7807780756*** và tài khoản số 7807205024***, mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Lai Châu; Tiếp tục phong tỏa tài khoản của Đồng Thanh T số 7807666456***, mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Lai Châu để đảm bảo thi hành án.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về các quyết định nêu trên.

Tại phiên tòa các bị cáo Đồng Thanh T, Lê Trung K đề nghị Hội đồng xét xử xử lý số tiền do gia đình các bị cáo đã nộp, cụ thể bị cáo T là 218.700.000 đồng, bị cáo K là 137.600.000 đồng để trả lại cho những người vay và truy thu sung quỹ Nhà nước. Bà Nguyễn Thị L đề nghị Hội đồng xét xử xử lý số tiền bà đã nộp là 17.100.000 đồng để trả cho người vay và truy thu sung quỹ Nhà nước.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Lai Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử và xét xử tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Vì mục đích tư lợi cá nhân nên trong năm 2021, tại địa bàn huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu, các bị cáo Đồng Thanh T, Lê Trung K liên tiếp, nhiều lần cho nhiều người gồm: Ông Nguyễn Văn M, bà Bùi Thị B, chị Lý Thị L, ông Lê Văn N, ông Nguyễn Hải Q, anh Nguyễn Trung Đ vay với tổng số tiền 1.040.000.000 đồng với lãi suất từ 109,50%/năm đến 182,50%/năm, gấp 5,48 đến 9,13 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự và thu lợi bất chính tổng số tiền phải chịu trách nhiệm hình sự là 348.507.947 đồng, trong đó số tiền thu lợi bất chính thực tế các bị cáo đã nhận là 229.954.799 đồng, trong đó bị cáo T là 133.647.192 đồng (trong đó, T đưa cho mẹ là bà Nguyễn Thị L là 13.236.750 đồng), bị cáo K là 96.307.607 đồng, số tiền còn lại vì nguyên nhân ngoài ý muốn (người vay chưa có

tiền để trả hoặc chưa kịp thu lợi thì bị phát hiện bắt giữ) nên các bị cáo chưa thu được hết.

Hành vi nêu trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về tín dụng, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo nhận thức được việc cho vay lãi nặng là vi phạm pháp luật nhưng vì tư lợi cá nhân nên vẫn cố ý thực hiện. Các bị cáo đều là người có đủ năng lực pháp luật để chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội mà mình đã gây ra. Do đó, hành vi nêu trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo có vai trò ngang nhau, đều là người thực hành cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, các bị cáo phải chịu mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà mình đã gây ra.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Các bị cáo Đồng Thanh T, Lê Trung K nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội, trong đó có 03 lần cho vay và thu lời bất chính với số tiền 30.000.000 đồng trở lên, nên các bị cáo K, T đều phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo T phạm tội khi chưa được xóa án tích nên bị cáo T phải chịu thêm 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Sau khi thực hiện tội phạm, gia đình bị cáo Đồng Thanh T đã nộp lại số tiền 235.800.000 đồng tại Cơ quan điều tra Công an tỉnh Lai Châu bao gồm tiền gốc cho vay, tiền thu lợi bất chính và tiền phát sinh từ tội phạm (trong đó có 17.100.000 đồng là của bà Nguyễn Thị L, còn lại 218.700.000 đồng của bị cáo T); Gia đình bị cáo Lê Trung K đã nộp lại số tiền 137.600.000 đồng tại Cơ quan điều tra Công an tỉnh Lai Châu là tiền thu lợi bất chính và tiền phát sinh từ tội phạm; Bị cáo Đồng Thanh T có ông ngoại là Nguyễn Đình H được tặng thưởng Huân chương kháng chiến Hạng nhì; Bị cáo Lê Trung K có bố đẻ là ông Lê Huy T được Nhà nước tặng thưởng Huy chương chiến sĩ vẻ vang và ông nội là Lê Huy Đ được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến Hạng Nhất, Huân chương chiến sĩ vẻ vang và Huy chương chiến thắng. Do đó, các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Trên cơ sở tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của các bị cáo, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo để răn đe, giáo dục cũng như công tác phòng ngừa chung trong xã hội.

Do đó quan điểm xử lý trách nhiệm hình sự của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai và đúng quy định của pháp luật.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”. Xét thấy, cần phạt mỗi bị cáo với mức phạt là 50.000.000 đồng.

[5] Về vật chứng của vụ án: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus màu đen, IMEI: 355351087096614, không có thẻ sim và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 pro max màu ghi IMEI: 353652733723846, IMEI 2: 353652734107601, bên trong lắp thẻ sim Viettel là của bị cáo Đồng Thanh T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Note20 Ultra màu vàng IMEI: 352682505224658, IMEI: 359646205224659, bên trong lắp thẻ sim Viettel và 01 xe ô tô nhãn hiệu MERCEDES ML350 màu đen, số khung: WDC1631571A453756, số máy 11297031555336, xe cũ đã qua sử dụng, kèm theo chìa khóa xe là của bị cáo Lê Trung K. Các bị cáo dùng những tài sản trên làm công cụ, phương tiện phạm tội nên cần tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước theo điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự.

Đối với biển kiểm soát 30E-726.29 và biển kiểm soát 30E-181.81 lắp trên hai xe ô tô của Lê Trung K. Kết quả điều tra xác định các biển kiểm soát trên không hợp pháp nên cần tịch thu tiêu hủy theo Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự.

Đối với 01 xe ô tô hiệu nhãn hiệu CAYENNNE GTS màu trắng, số máy: *M55/0163906377*, số khung: WP1AA29P 39 LA05927, xe cũ đã qua sử dụng kèm theo chìa khóa xe là của bị cáo Lê Trung K. Xét thấy xe ô tô trên không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo K theo Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự.

Đối với tổng số tiền thu lợi bất chính là 229.954.799 đồng (số tiền lãi vượt quá 20%/năm), cần trả lại cho những người vay theo Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự, cụ thể:

Bị cáo Đồng Thanh T phải trả lại tổng số tiền là 120.410.442 đồng cho những người vay, được khấu trừ trong tổng số tiền 218.700.000 đồng đã nộp, xác nhận bị cáo T đã nộp đủ, cụ thể: Trả cho Nguyễn Văn M 42.886.214 đồng; Trả cho Bùi Thị B 22.197.541 đồng; Trả cho Lý Thị L 1.261.644 đồng; Trả cho Lê Văn N 5.813.698; Trả cho Nguyễn Hải Q 8.178.452 đồng; Trả cho Nguyễn Trung Đ 40.072.893 đồng.

Bị cáo Lê Trung K phải trả lại tổng số tiền là 96.307.607 đồng cho những người vay, được khấu trừ trong tổng số tiền 137.600.000 đồng đã nộp, xác nhận bị cáo K đã nộp đủ, cụ thể: Trả cho Nguyễn Văn M 42.886.214 đồng; Trả cho Bùi Thị B 22.121.567 đồng; Trả cho Lý Thị L 1.261.644 đồng; Trả cho Lê Văn N 5.813.698 đồng; Trả cho Nguyễn Hải Q 6.951.685 đồng; Trả cho Nguyễn Trung Đ 17.272.799 đồng.

Bà Nguyễn Thị L phải trả lại tổng số tiền là 13.236.750 đồng cho những người vay, được khấu trừ trong tổng số tiền 17.100.000 đồng đã nộp, xác nhận bà L đã nộp đủ, cụ thể: Trả cho Nguyễn Văn M 5.131.684 đồng; Trả cho Bùi Thị B 4.995.962 đồng; Trả cho Nguyễn Trung Đ 3.109.104 đồng.

Đối với khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm thực tế các bị cáo Đồng Thanh T, Lê Trung K đã được nhận là 63.945.201 đồng, trong đó: Đồng Thanh T là 31.989.558 đồng, được khấu trừ trong tổng số tiền 218.700.000 đồng đã nộp, xác nhận bị cáo T đã nộp đủ; Lê Trung K là 28.092.393 đồng, được khấu trừ trong tổng số tiền 137.600.000 đồng đã nộp, xác nhận bị cáo K đã nộp đủ; Nguyễn Thị L được T đưa cho là 3.863.250 đồng, được khấu trừ trong tổng số tiền 17.100.000 đồng đã nộp, xác nhận bà L đã nộp đủ. Xét đây là tiền phát sinh từ tội phạm nên cần truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền trên theo điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự.

Đối với số tiền gốc cho vay, hiện người vay đã trả lại cho bị cáo Đồng Thanh T gồm: ông Nguyễn Văn M đã trả 400.000.000 đồng, bà Bùi Thị B đã trả 200.000.000 đồng, chị Lý Thị L đã trả 30.000.000 đồng, anh Nguyễn Trung Đ đã trả 260.000.000 đồng. Tổng cộng là 890.000.000 đồng, được khấu trừ 66.300.000 đồng trong tổng số tiền 218.700.000 đồng đã nộp, còn lại là 823.700.000 đồng. Số tiền trên là phương tiện phạm tội nên cần truy thu sung quỹ Nhà nước của bị cáo Đồng Thanh T theo điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự.

Đối với tổng số tiền gốc cho vay là 150.000.000 đồng, trong đó Lê Văn N vay 20.000.000 đồng, Nguyễn Hải Q vay 130.000.000 đồng, hiện N và Q chưa trả cho các bị cáo nên cần truy thu của N, Q số tiền trên để sung quỹ Nhà nước theo Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự.

Đối với 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Camry biển kiểm soát 29A - 725.91 kèm giấy chứng nhận, giấy kiểm định xe ô tô và 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Trung Đ. Ngày 30/01/2022, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lai Châu đã trả lại cho Nguyễn Trung Đ và anh Đ không có đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lai Châu đã phong tỏa tài khoản của Lê Trung Kiên số 7807780756*** và tài khoản số 7807205024***, mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Lai Châu; Phong tỏa tài khoản của Đồng Thanh T số 7807666456***, mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Lai Châu. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục phong tỏa các tài khoản trên của các bị cáo để đảm bảo thi hành án.

[6] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 201, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 47, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đồng Thanh T;

Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 201, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 47, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự; khoản 5 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự đối với bị cáo Lê Trung K;

Căn cứ Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án đối với các bị cáo Đồng Thanh T, Lê Trung K.

1. Tuyên bố các bị cáo Đồng Thanh T, Lê Trung K phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Đồng Thanh T 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/01/2022.

- Xử phạt bị cáo Lê Trung K 07 tháng 13 ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/01/2022. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 30/8/2022, thời hạn tù của bị cáo bằng thời gian đã bị tạm giam. Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Lê Trung K nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

3. Về hình phạt bổ sung:

- Phạt bị cáo Đồng Thanh T 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*).

- Phạt bị cáo Lê Trung K 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*).

4. Về vật chứng của vụ án:

4.1. Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus màu đen, IMEI: 355351087096614, không có thẻ sim; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 pro max màu ghi IMEI: 353652733723846, IMEI 2: 353652734107601, bên trong lắp thẻ sim Viettel; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Note20 Ultra màu vàng, IMEI: 352682505224658, IMEI: 359646205224659, bên trong lắp thẻ sim Viettel; 01 xe ô tô nhãn hiệu MERCEDES ML350 màu đen, số khung: WDC1631571A453756, số máy 11297031555336, xe cũ đã qua sử dụng, kèm theo chìa khóa xe.

4.2. Tịch thu tiêu hủy: Biển kiểm soát 30E-726.29 và biển kiểm soát 30E-181.81.

4.3. Trả lại cho bị cáo Lê Trung K: 01 xe ô tô nhãn hiệu CAYENNNE GTS màu trắng, số máy: *M55/0163906377*, số khung: WP1AA29P39LA059 27, xe cũ đã qua sử dụng kèm theo chìa khóa xe.

4.4. Bị cáo Đồng Thanh T phải trả lại tổng số tiền là 120.410.442 đồng (*Một trăm hai mươi triệu bốn trăm mười nghìn bốn trăm bốn mươi hai đồng*) cho những người vay, được khấu trừ trong tổng số tiền 218.700.000 đồng (*Hai trăm mười tám triệu bảy trăm nghìn đồng*) đã nộp, xác nhận bị cáo T đã nộp đủ, cụ thể:

- Trả cho Nguyễn Văn M 42.886.214 đồng (*Bốn mươi hai triệu tám trăm tám mươi sáu nghìn hai trăm mười bốn đồng*);
- Trả cho Bùi Thị B 22.197.541 đồng (*Hai mươi hai triệu một trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm bốn mươi đồng*);
- Trả cho Lý Thị L 1.261.644 đồng (*Một triệu hai trăm sáu mươi một nghìn sáu trăm bốn mươi đồng*);
- Trả cho Lê Văn N 5.813.698 đồng (*Năm triệu tám trăm mười ba nghìn sáu trăm chín mươi tám đồng*);
- Trả cho Nguyễn Hải Q 8.178.452 đồng (*Tám triệu một trăm bảy mươi tám nghìn bốn trăm năm mươi hai đồng*);
- Trả cho Nguyễn Trung Đ 40.072.893 đồng (*Bốn mươi triệu không trăm bảy mươi hai nghìn tám trăm chín mươi ba đồng*).

4.5. Bị cáo Lê Trung K phải trả lại tổng số tiền là 96.307.607 đồng (*Chín mươi sáu triệu ba trăm linh bảy nghìn sáu trăm linh bảy đồng*) cho những người vay, được khấu trừ trong tổng số tiền 137.600.000 đồng đã nộp, xác nhận bị cáo K đã nộp đủ, cụ thể:

- Trả cho Nguyễn Văn M 42.886.214 đồng (*Bốn mươi hai triệu tám trăm tám mươi sáu nghìn hai trăm mười bốn đồng*);
- Trả cho Bùi Thị B 22.121.567 đồng (*Hai mươi hai triệu một trăm hai mươi một nghìn năm trăm sáu mươi bảy đồng*);
- Trả cho Lý Thị L 1.261.644 đồng (*Một triệu hai trăm sáu mươi một nghìn sáu trăm bốn mươi đồng*);
- Trả cho Lê Văn N 5.813.698 đồng (*Năm triệu tám trăm mười ba nghìn sáu trăm chín mươi tám đồng*);
- Trả cho Nguyễn Hải Q 6.951.685 đồng (*Sáu triệu chín trăm năm mươi một nghìn sáu trăm tám mươi lăm đồng*);
- Trả cho Nguyễn Trung Đ 17.272.799 đồng (*Mười bảy triệu hai trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm chín mươi chín đồng*).

4.6. Bà Nguyễn Thị L phải trả lại tổng số tiền là 13.236.750 đồng (*Mười ba triệu hai trăm ba mươi sáu nghìn bảy trăm năm mươi đồng*) cho những người vay, được khấu trừ trong tổng số tiền 17.100.000 đồng đã nộp, xác nhận bà L đã nộp đủ, cụ thể:

- Trả cho Nguyễn Văn M 5.131.684 đồng (*Năm triệu một trăm ba mươi một nghìn sáu trăm tám mươi tư đồng*);
- Trả cho Bùi Thị B 4.995.962 đồng (*Bốn triệu chín trăm chín mươi lăm nghìn chín trăm sáu mươi hai đồng*);
- Trả cho Nguyễn Trung Đ 3.109.104 đồng (*Ba triệu một trăm linh chín nghìn một trăm linh bốn đồng*).

4.7. Truy thu sung quỹ Nhà nước của bị cáo Đồng Thanh T tổng số tiền là 921.989.558 đồng (*Chín trăm hai mươi một triệu chín trăm tám mươi chín nghìn năm trăm năm tám đồng, trong đó có 890.000.000 đồng là tiền gốc cho vay và 31.989.558 đồng là tiền lãi tương ứng 20%/năm*), được khấu trừ 98.289.558 đồng trong tổng số tiền 218.700.000 đồng đã nộp. Còn lại phải tiếp tục thi hành là 823.700.000 đồng (*Tám trăm hai mươi ba triệu bảy trăm nghìn đồng*).

4.8. Truy thu sung quỹ Nhà nước của bị cáo Lê Trung K tổng số tiền là 28.092.393 đồng (*Hai mươi tám triệu không trăm chín mươi hai nghìn ba trăm chín ba đồng*), được khấu trừ trong tổng số tiền 137.600.000 đồng đã nộp, xác nhận bị cáo K đã nộp đủ. Còn thừa 13.200.000 đồng (*Mười ba triệu hai trăm nghìn đồng*) cần giữ lại để đảm bảo thi hành án.

4.9. Truy thu sung quỹ Nhà nước của bà Nguyễn Thị L tổng số tiền là 3.863.250 đồng (*Ba triệu tám trăm sáu mươi ba nghìn hai trăm năm mươi đồng*), được khấu trừ trong tổng số tiền 17.100.000 đồng trong tổng số tiền đã nộp, xác nhận bà L đã nộp đủ.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an tỉnh Lai Châu và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu vào hồi 15 giờ 00 phút ngày 05/8/2022. Riêng số tiền 373.400.000 đồng Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lai Châu chuyển vào số tài khoản 3949.0.1054198.00000 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Lai Châu, có ủy nhiệm chi kèm theo).

4.10. Truy thu sung quỹ Nhà nước của Lê Văn N 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*).

4.11. Truy thu sung quỹ Nhà nước của Nguyễn Hải Q 130.000.000 đồng (*Một trăm ba mươi triệu đồng*).

4.12. Tiếp tục phong tỏa tài khoản của Lê Trung K số 7807780756*** và tài khoản số 7807205024***, mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Lai Châu; Tiếp tục phong tỏa tài khoản của Đồng Thanh T số 7807666456***, mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Lai Châu để đảm bảo thi hành án.

(Việc phong tỏa tài khoản theo Lệnh phong tỏa tài khoản số 01, 02, 03/LPTTK-CSKT ngày 21/01/2022 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lai Châu. Đề nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lai Châu chuyển giao các Lệnh này cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu để tiến hành xử lý theo quy định của pháp luật)

5. Về án phí:

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Công an tỉnh Lai Châu;
- Cục THADS tỉnh Lai Châu;
- Các bị cáo; Người có QL&NVLQ;
- Sở tư pháp tỉnh Lai Châu;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Phương